

Số: **1919** /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 781/TTr-SCT ngày 27/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 35 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh, cấp huyện; bãi bỏ 03 thủ tục hành chính cấp huyện thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Công Thương, bao gồm:

- Sửa đổi 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh, cụ thể:

+ Thứ tự số 01, 02 Phần I tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam;

+ Thứ tự số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 Phần I tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam;

+ Thứ tự số 23, 26 Phần IV, Mục A và Thứ tự số 39, 40, 41, 42, 43, 44 Phần VI, Mục A tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam;

+ Thứ tự số 01, 02, 03, 04 Phần II, Mục A và thứ tự 01, 05, 07 Phần III, Mục A tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

- Sửa đổi 09 thủ tục hành chính cấp huyện , cụ thể:
 - + Thứ tự số 01, 02, 03 Phần I, Mục A tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam;
 - + Thứ tự số 01, 02, 03, 07, 08, 09 Phần I, Mục B tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin & Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email: thaonv@quangnam.gov.vn và binhtt@quangnam.gov.vn), Trung tâm Hành chính công tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm công khai trên Trang thông tin điện tử của mình; đồng thời, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Một cửa và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 04, 05, 06 Phần I, Mục B tại Danh mục ban hành theo Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

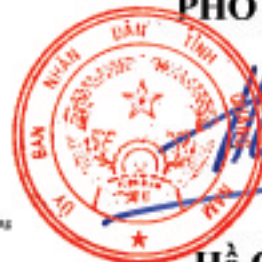
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh (niêm yết);
- Trung tâm CNTT&TT Quảng Nam (đăng tải);
- CPVP, các Phòng HCTC, KTN;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tháo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Nhan\2018\Công bố TTTC\Số Công Thương\Mẫu 7\QĐ_TTTC_mã dãi_bản công Thương.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Nội dung sửa đổi bổ sung
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
01	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	25 ngày	Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính I. Điều kiện chung: 1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP. 2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: - Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; - Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực
02	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương	25 ngày		

		thực hiện		<p>phẩm: Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: <p>Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”</p> <p>II. Điều kiện riêng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm; + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm; + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm; + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm; - Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm. - Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;
--	--	-----------	--	--

					- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.	
II Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước						
03	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày	Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá; - Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm; - Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh. 	
04	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày			
05	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày			
06	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày			
07	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu	15 ngày			
						<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; - Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu

		thuốc lá			ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.
08	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày		
09	2.000190	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày		
10	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày		
11	2.000167	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật ; - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; - Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên); - Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.
12	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; - Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất; - Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định;
13	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu	07 ngày		

		công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)			- Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định; - Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu; - Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
14	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày		
15	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày		<p style="text-align: center;">Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; - Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu; - Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.
16	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày		
17	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày		
III	Lĩnh vực kinh doanh khí				
18	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều	10 ngày		Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

		kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG		Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	<p>1. Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí:</p> <p>a) Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG;</p> <p>c) Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Nghị định số 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 87/2018/NĐ-CP phải bổ sung các giấy tờ sau:</p> <p>a) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;</p> <p>b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.</p>
19	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	10 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>1. Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí:</p> <p>a) Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG;</p> <p>c) Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.</p>
20	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh	10 ngày		

		doanh mua bán CNG			<p>2. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV của Nghị định 87/2017/NĐ-CP.</p> <p>3. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP và phải có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.</p>
IV	Lĩnh vực Hóa chất				
21	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày	Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Điều kiện sản xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.
22	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	05 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định

		điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			<p>của pháp luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất. <p>Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân.</p>
23	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất. <p>Điều chỉnh Giấy chứng nhận trong trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất.</p>
24	1.002758		10 ngày		Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			<p>hành chính</p> <p>Điều kiện kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ; - Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất. - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.
25	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

					<ul style="list-style-type: none"> - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ; - Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất; - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất; - Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân.
26	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày		<p>Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ; - Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

					<p>- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.</p> <p>Điều chỉnh Giấy chứng nhận trong trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh .</p>
--	--	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Danh mục Thủ tục hành chính sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của huyện

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Nội dung sửa đổi bổ sung
01	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày	Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
02	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày		
03	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày		
04	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày		Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật; - Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;
05	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày		
06	2.001240	Cấp lại Giấy	07 ngày		

		phép bán lẻ rượu			- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.
07	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày		Thay đổi yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính - Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;
08	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày		- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.
09	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày		

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của huyện

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính (2)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
01	2.001235	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng
02	2.001231	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		Lưu thông hàng hóa trong nước	Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng
03	1.002956	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		Lưu thông hàng hóa trong nước	Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng